

Số: 513 /QĐ-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024  
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

### TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-STC ngày 12/12/2023 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Xét đề nghị của Văn phòng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi NSNN năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ông, bà Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng, Văn phòng Đại diện Ban Quản lý và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

**PHỤ LỤC****CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024****Đơn vị: Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai**(Kèm theo Quyết định **513** /QĐ-KCNĐN ngày tháng **12** năm 2023 của  
Trưởng ban Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)**Chương 505***DVT: Triệu đồng*

NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
		Số tiết kiệm thực hiện CCTL của NS tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng
<b>I/ DỰ TOÁN THU NS:</b>	<b>2.378</b>		
<b>1/ Tổng dự toán thu</b>	<b>2.378</b>		
<b>- Thu phí:</b>	<b>2.339</b>		
+ Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	1.739		
+ Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư (báo cáo khả thi dự án đầu tư xây dựng)	600		
<b>- Thu lệ phí</b>	<b>39</b>		
+ Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	39		
<b>2/ Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>2.378</b>		
<b>- Thu phí:</b>	<b>2.339</b>		
+ Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	1.739		
+ Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư (báo cáo khả thi dự án đầu tư xây dựng)	600		
<b>- Thu lệ phí</b>	<b>39</b>		
+ Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	39		
<b>II/ DỰ TOÁN CHI NS:</b>	<b>33.069</b>	<b>2.384</b>	<b>30.685</b>
Bao gồm:			
<b>A- Chi QLNN (Loại 340 - Khoản 341)</b>	<b>29.041</b>	<b>2.083</b>	<b>26.958</b>
<b>1. Kinh phí hoạt động thường xuyên (biên chế)</b>	<b>13.013</b>	<b>480</b>	<b>12.533</b>

+ Chi con người	8.213		8.213
+ Chi hoạt động (60 biên chế x 80 triệu)	4.800	480	4.320
<b>2. Kinh phí không thường xuyên:</b>	<b>16.028</b>	<b>1.603</b>	<b>14.425</b>
+ Kinh phí đặc thù	730	73	657
+ Kinh phí trang bị TSCĐ	8.900	890	8.010
+ Kinh phí hoạt động Bàn Kansai	2.291	229	2.062
+ Kinh phí Hội nghị FDI	500	50	450
+ Kinh phí hoạt động lĩnh vực QHXD	516	52	464
+ Kinh phí VP Bộ Công thương	200	20	180
+ Kinh phí hậu kiểm	300	30	270
+ Kinh phí xử phạt VPHC	420	42	378
+ Duy trì trang thông tin điện tử	120	12	108
+ Chi công tác cấp GPXD	450	45	405
+ Chi công tác thẩm định cấp giấy phép môi trường	1.160	116	1.044
+ Chi công tác thẩm định báo cáo khả thi dự án đầu tư, xây dựng	441	44	397
<b>B- Chi sự nghiệp</b>	<b>4.028</b>	<b>301</b>	<b>3.727</b>
<b>I. Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250- Khoản 278)</b>	<b>3.012</b>	<b>301</b>	<b>2.711</b>
+ Kinh phí hoạt động thường xuyên	3.012	301	2.711
<b>II. Chi sự nghiệp khác: (Loại 400- Khoản 428)</b>	<b>1.016</b>		<b>1.016</b>
<b>Trung tâm Đào tạo – cung ứng lao động kỹ thuật</b>	<b>1.016</b>		<b>1.016</b>
<b>Kinh phí thực hiện tự chủ:</b>			
+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên	1.016		1.016